TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST Ngày: 29 - 7 - 2020. V/v Tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hai.

2. Bà Nguyễn Thị Nhàn.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Minh Thìn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2020 về "*Tranh chấp ly hôn - không công nhận quan hệ vợ chồng*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị M - sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Khóm H, phường A, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh C - sinh năm: 1978.

Địa chỉ: số 36, lô A, Khu dân cư K, khóm T, phường H, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị M trình bày*:**

- Về hôn nhân: Chị M và anh C tự quen biết, tìm hiểu và chung sống như vợ chồng vào năm 2010, có tổ chức đám cưới vào ngày 03/9/2010, không đăng ký kết hôn do anh C không chịu đi làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến khoảng năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài, nhiều lần chị M bắt gặp những tin nhắn trên điện thoại của anh C với người phụ nữ khác. Khoảng năm 2018, chị M đã nộp đơn đến tòa xin ly hôn anh C, nhưng anh C không đồng ý, lúc đó do con còn nhỏ và chị M cũng muốn cho anh C có thêm cơ hội để sửa đổi nên đã rút đơn khởi kiện. Từ đó đến nay vợ chồng chung sống cũng không có hạnh phúc, anh C nhiều lần đánh chị M, chị M có trình báo với Công an Phường 3, thành phố Sa Đéc; vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2020 đến nay. Nay chị M nhận thấy không còn tình cảm với anh C, chị M không thể tiếp tục chung sống với anh C nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết không C nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh C.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, có 01 con chung tên N - sinh ngày: 27/01/2011 (*hiện đang sống với chị M*). Khi ly hôn, chị M yêu cầu được quyền nuôi con chung sau khi ly hôn. Chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là anh C trình bày*:**

- Về hôn nhân: Anh C thống nhất với lời trình bày của chị M về thời gian chung sống như vợ chồng, có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn do gia đình khó khăn. Quá trình vợ chồng chung sống vẫn bình thường. Anh C không biết lý do vì sao chị M lại nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Nay, anh C không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn nên không cần thiết phải ly hôn.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C và chị M chung sống có 01 con chung tên N - sinh ngày: 27/01/2011 (*hiện đang sống với chị M*). Trường hợp Tòa án không C nhận quan hệ vợ chồng giữa anh C và chị M, anh C không đồng ý để chị M được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh C yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, anh C không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh C xác định là không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của chị M và anh C là cháu N trình bày*:** Trường hợp cha mẹ ly hôn thì cháu N có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị M.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; không C nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh C.

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cháu Đặng Nguyễn Xuân N - sinh ngày: 27/01/2011 (*hiện đang sống với chị M*) cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn; do chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh C có quyền, Ña vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị M, anh C xác định là không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị M khởi kiện yêu cầu ly hôn anh C là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị M về việc yêu cầu không C nhận quan hệ vợ chồng với anh C; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về hôn nhân: Chị M và anh C chung sống như vợ chồng từ năm 2010, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý…".

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*".

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 đến nay, chị M và anh C phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật C nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị M và anh C đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình chung sống như vợ chồng giữa chị M và anh C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi với nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, Chị M không còn thương yêu, quan tâm lo lắng cho C. Tại phiên tòa, chị M xác định là không còn tình cảm với anh C, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh C không có hạnh phúc, chị M không thể tiếp tục chung sống như vợ chồng với anh C và có yêu cầu được ly hôn anh C. Trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị M cũng không trở về chung sống với anh C. Chị M thiết tha yêu cầu Tòa án không C nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh C.

Về phía anh C: Anh C không đồng ý ly hôn chị M với lý do là anh C và chị M không có đăng ký kết hôn, anh C còn là con trai độc thân. Xét thấy; việc anh C và chị M quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng (*không có đăng ký kết hôn*) vào năm 2010, có tổ chức đám cưới vào ngày 03/9/2010 và đã có 01 con chung sinh ngày 27/01/2011 nên có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị M là hôn nhân thực tế (*không có đăng ký kết hôn, không được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng*). Hơn nữa, quá trình chung sống như vợ chồng; giữa anh C và chị M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cải, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, Chị M không còn thương anh C; Bản thân anh C cũng không có thành ý mong muốn hàn gắn tình cảm với chị M; từ khi ly thân (*tháng 01/2020*) đến nay, anh C cũng không liên lạc, không tới lui, thăm hỏi, tìm gặp chị M để hàn gắn tình cảm, không quan tâm đến chị M.

Từ những phân tích trên; Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh C đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau; Chị M yêu cầu Tòa án không C nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh C là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*".

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Khi ly hôn, chị M và anh C đều có yêu cầu được nuôi con chung tên N - sinh ngày: 27/01/2011 (*hiện đang sống với chị M*); cả hai đều không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Ý kiến của cháu N có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị M.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...*

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

- Xét thấy, hiện cháu N đang có cuộc sống ổn định với chị M, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặc khác, cháu N cũng còn nhỏ, rất cần có sự chăm sóc, nuôi dạy của người mẹ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho cháu trong sinh hoạt, học tập, có cuộc sống ổn định và phát triển tốt về tâm sinh lý. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết tiếp tục giao cháu N cho chị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu N và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho cháu N trong sinh hoạt, học tập. Anh C được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do các bên đương sự, chị M và anh C cùng xác định là không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Không C nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh C.

2. Về nuôi con chung: Chị M được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên N - sinh ngày: 27/01/2011 (*hiện đang sống với chị M*). Chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Anh Đặng Chí C có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị M nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị M đã nộp ngày 11/5/2020 theo biên lai thu số: 0000950 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Quốc Danh

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;